

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Địa chỉ: phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

MỤC LỤC	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối phát sinh các tài khoản	06 – 07
Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng	08 – 12
Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động đã sử dụng	13 – 18
Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh	19
Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định	20 – 22
Thuyết minh Báo cáo tài chính	23 – 24

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Địa chỉ: phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016.

1. Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình

Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình (gọi tắt là “Trung tâm”) được thành lập từ năm 1995, tên gọi ban đầu là Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Ninh Bình, theo Quyết định số 787/QĐ-UB ngày 07 tháng 08 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2004, Trung tâm được đổi tên thành Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình theo Quyết định số 286/2004/QĐ-UB ngày 10 tháng 02 năm 2004 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc đổi tên Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ thành Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới trực thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Ninh Bình.

Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Mã số thuế của Trung tâm: 2700226750 cấp ngày 13/01/1999

2. Trụ sở chính

Trung tâm có trụ sở tại: phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Nhiệm vụ của Trung tâm

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, nhiệm vụ chính của Trung tâm là kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các phương tiện cơ giới đường bộ trong hệ thống, thống nhất trên quy mô toàn quốc.

4. Ban lãnh đạo Trung tâm

Các thành viên Ban lãnh đạo đã điều hành Trung tâm trong suốt năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc và kế toán:

Ông Nguyễn Trung Thao	Giám đốc
Ông Nguyễn Chiến Hùng	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Thường	Phụ trách kế toán – Chuyển công tác từ ngày 01/01/2017
Bà Phạm Lan Oanh	Phụ trách kế toán – Nhận công tác từ ngày 01/01/2017

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Năm 2017 là năm Trung tâm sẽ thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình.

Ban Giám đốc Trung tâm khẳng định, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

7. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Báo cáo thu - chi hoạt động sự nghiệp của Trung tâm trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trung tâm có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Trung tâm sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Trung tâm xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trung tâm và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 của Trung tâm.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Trung Thao
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

SỐ: /2017/VACA/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*(Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình)*

**Kính gửi: Ban Giám đốc điều hành
Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình, từ trang 07 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối tài khoản tại ngày 31/12/2016, Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động đã sử dụng, Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình tại ngày 31/12/2016, cũng như Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động đã sử dụng, Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Chi nhánh Hà Nội

Bùi Ngô Liên - Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1006-2013-110-1*

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Nguyễn Minh Ân - Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1313-2013-110-1*

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 01 - H

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

A – CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG

(Đơn vị tính: VND)

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	75.957.776	0	57.695.921.900	57.771.878.415	1.261	0
112	Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	2.861.747.030	0	56.267.497.522	55.759.391.128	3.369.853.424	0
113	Tiền đang chuyển	0	0	531.643.840	531.643.840	0	0
211	Tài sản cố định hữu hình	11.816.751.655	0	821.486.400	640.938.600	11.997.299.455	0
213	Tài sản cố định vô hình	9.680.000.000	0	0	0	9.680.000.000	0
214	Hao mòn tài sản cố định	0	6.752.684.038	640.938.600	923.235.010	0	7.034.980.448
241	XDCB dở dang	0	0	2.000.000	2.000.000	0	0
311	Các khoản phải thu	0	0	148.855.500	148.855.500	0	0
331	Phải trả người bán	0	17.459.500	692.478.760	699.743.860	0	24.724.600
332	Các khoản phải nộp theo lương	0	0	222.078.022	222.078.022	0	0
333	Các khoản phải nộp Nhà nước	0	312.841.064	55.217.930.879	55.191.432.423	0	286.342.608
334	Các khoản phải trả công nhân viên	0	239.175.581	1.448.042.210	1.617.505.360	0	408.638.731
421	Chênh lệch thu chi chưa sử lý	0	0	1.545.020.614	1.545.020.614	0	0
431	Quỹ cơ quan	0	1.969.672.231	1.032.567.100	1.444.324.634	0	2.381.429.765
441	Nguồn kinh phí ĐTXDCB	0	0	0	0	0	0
461	Nguồn kinh phí hoạt động	0	398.556.430	778.762.509	648.925.060	0	268.718.981
466	Nguồn hình thành TSCĐ	0	14.744.067.617	923.235.010	821.486.400	0	14.642.319.007
511	Các khoản thu khác	0	0	1.657.681.060	1.657.681.060	0	0
531	Các khoản thu dịch vụ	0	0	4.840.565.302	4.840.565.302	0	0
631	Chi hoạt động dịch vụ	0	0	3.295.544.688	3.295.544.688	0	0
661	Chi hoạt động thường xuyên	0	0	525.104.494	525.104.494	0	0
	Tổng cộng	24.434.456.461	24.434.456.461	188.287.354.410	188.287.354.410	25.047.154.140	25.047.154.140

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B – CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
001	Tài sản cố định thuê ngoài						
002	Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công						
005	Dụng cụ lâu bền đang sử dụng						
007	Ngoại tệ đang sử dụng						
008	Hạn mức kinh phí						
009	Hạn mức kinh phí khác						

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Dương Thị Thường

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG**
Năm 2016**PHẦN I – TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ***(Đơn vị tính: VND)*

STT	CHỈ TIÊU NGUỒN KINH PHÍ	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
				Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
A	B	C	1	2	3	4	5	6
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG							
A	Kinh phí thường xuyên							
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	01	398.556.430	398.556.430	-	398.556.430	-	-
2	Kinh phí thực nhận kỳ này	02	5.489.490.362	648.925.060	-	648.925.060	-	4.840.565.302
3	Lũy kế từ đầu năm	03	5.489.490.362	648.925.060	-	648.925.060	-	4.840.565.302
4	Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này (04 = 01 + 02)	04	5.888.046.792	1.047.481.490	-	1.047.481.490	-	4.840.565.302
5	Lũy kế từ đầu năm	05	5.888.046.792	1.047.481.490	-	1.047.481.490	-	4.840.565.302
6	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	06	3.820.649.182	525.104.494	-	525.104.494	-	3.295.544.688
7	Lũy kế từ đầu năm	07	3.820.649.182	525.104.494	-	525.104.494	-	3.295.544.688
8	Kinh phí giảm kỳ này	08	-	-	-	-	-	-
9	Lũy kế từ đầu năm	09	-	-	-	-	-	-
10	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau (10 = 04 - 06 - 08)	10	2.067.397.610	522.376.996	-	522.376.996	-	1.545.020.614

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
Năm 2016****PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN***(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
		I- CHI HOẠT ĐỘNG		3.820.649.182	525.104.494	-	525.104.494	-	3.295.544.688
		1. Chi thường xuyên		3.820.649.182	525.104.494	-	525.104.494	-	3.295.544.688
		Vận tải đường bộ khác		3.820.649.182	525.104.494	-	525.104.494	-	3.295.544.688
6000		Tiền lương		648.920.500	-	-	-	-	648.920.500
	6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt		648.920.500	-	-	-	-	648.920.500
6050		Tiền công		102.140.000	-	-	-	-	102.140.000
	6051	Lương hợp đồng		102.140.000	-	-	-	-	102.140.000
6100		Phụ cấp lương		117.758.000	-	-	-	-	117.758.000
	6106	Làm thêm giờ		117.758.000	-	-	-	-	117.758.000
6300		Các khoản đóng góp		153.831.112	-	-	-	-	153.831.112
	6301	Bảo hiểm xã hội		102.606.037	-	-	-	-	102.606.037
	6302	Bảo hiểm y tế		38.477.275	-	-	-	-	38.477.275
	6303	Kinh phí công đoàn		12.747.800	-	-	-	-	12.747.800
6400		Các khoản TT cho cá nhân		129.356.000	-	-	-	-	129.356.000
	6401	Tiền ăn ca		90.456.000	-	-	-	-	90.456.000
	6449	Khác		38.900.000	-	-	-	-	38.900.000
6500		Dịch vụ công cộng		85.337.600	-	-	-	-	85.337.600
	6501	Điện		35.525.600	-	-	-	-	35.525.600
	6501	Nước		8.629.300	-	-	-	-	8.629.300
	6503	Thanh toán tiền nhiên liệu		30.708.800	-	-	-	-	30.708.800
	6549	Chi khác		10.473.900	-	-	-	-	10.473.900

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
Năm 2016**

PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN (TIẾP THEO)*(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
6550		Vật tư văn phòng		272.980.200	112.364.000	-	112.364.000	-	160.616.200
	6551	Văn phòng phẩm		67.746.800	66.226.800	-	66.226.800	-	1.520.000
	6552	Mua sắm công cụ văn phòng		135.429.900	18.100.000	-	18.100.000	-	117.329.900
	6599	Vật tư văn phòng khác		69.803.500	28.037.200	-	28.037.200	-	41.766.300
6600		Thông tin tuyên truyền liên lạc		70.586.500	-	-	-	-	70.586.500
	6601	Cước phí điện thoại		10.457.900	-	-	-	-	10.457.900
	6603	Bưu phí		22.508.600	-	-	-	-	22.508.600
	6606	Tuyên truyền quảng cáo		34.000.000	-	-	-	-	34.000.000
	6612	Sách, báo tạp trí, Tuyên Truyền QC		1.030.000	-	-	-	-	1.030.000
	6615	Thuê bao điện thoại		2.590.000	-	-	-	-	2.590.000
6650		Hội nghị		3.500.000	-	-	-	-	3.500.000
	6699	Chi phí khác		3.500.000	-	-	-	-	3.500.000
6700		Công tác phí		99.065.300	-	-	-	-	99.065.300
	6701	Vé		12.372.900	-	-	-	-	12.372.900
	6702	Phụ cấp		10.230.000	-	-	-	-	10.230.000
	6703	Thuê phòng nghỉ		21.132.500	-	-	-	-	21.132.500
	6704	Khoán CT phí		39.150.000	-	-	-	-	39.150.000
	6749	Khác		16.179.900	-	-	-	-	16.179.900
6750		Chi phí thuê mướn		7.700.000	-	-	-	-	7.700.000
	6751	Thuê phương tiện		7.700.000	-	-	-	-	7.700.000

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
Năm 2016****PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN (TIẾP THEO)***(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
6900		Sửa chữa thường xuyên		356.935.894	85.492.894	-	85.492.894	-	271.443.000
	6902	Sửa chữa ô tô		36.650.000	-	-	-	-	36.650.000
	6905	MMTB, TTB KT chuyên dùng		65.866.200	-	-	-	-	65.866.200
	6907	Nhà cửa		148.881.800	-	-	-	-	148.881.800
	6912	Máy tính, thiết bị tin học		100.000	-	-	-	-	100.000
	6913	Máy văn phòng		1.125.000	-	-	-	-	1.125.000
	6949	TSCĐ khác		104.312.894	85.492.894	-	85.492.894	-	18.820.000
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		234.422.800	216.333.800	-	216.333.800	-	18.089.000
	7001	Chi mua vật tư hàng hoá		21.690.000	21.690.000	-	21.690.000	-	-
	7002	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng		37.771.700	37.771.700	-	37.771.700	-	-
	7003	In ấn tài liệu, sổ sách		110.000	-	-	-	-	110.000
	7005	Bảo hộ lao động		15.150.000	-	-	-	-	15.150.000
	7006	Mua ấn chỉ		133.540.100	133.540.100	-	133.540.100	-	-
	7049	Khác		26.161.000	23.332.000	-	23.332.000	-	2.829.000

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 02 - H

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ
VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)**

Năm 2016

PHẦN II – KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN (TIẾP THEO)*(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Mã số	Tổng số	Ngân sách Nhà nước				Nguồn khác
					Tổng số	NSNN giao	Phí, lệ phí để lại	Viện trợ	
C	D	E	F	1	2	3	4	5	6
7750		Chi khác		1.538.115.276	110.913.800	-	110.913.800	-	1.427.201.476
	7752	Chi lễ tết, KN ngày lễ lớn		129.403.900	-	-	-	-	129.403.900
	7753	Khắc phục hậu quả thiên tai		117.785.000	102.100.000	-	102.100.000	-	15.685.000
	7758	Hỗ trợ khác		1.300.000	-	-	-	-	1.300.000
	7761	Chi tiếp khách		213.804.400	-	-	-	-	213.804.400
	7766	Đào tạo bồi dưỡng NV		10.800.000	-	-	-	-	10.800.000
	7767	Khấu hao TSCĐ		923.234.988	-	-	-	-	923.234.988
	7799	Chi khác		141.786.988	8.813.800	-	8.813.800	-	132.973.188
		Cộng		3.820.649.182	525.104.494	-	525.104.494	-	3.295.544.688

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

 Dương Thị Thường

 Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG
Năm 2016*Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên**(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Chỉ tiêu	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
		Chi hoạt động thường xuyên	398.556.430	648.925.060	1.047.481.490	525.104.494	-	522.376.996
		Phí, lệ phí để lại	398.556.430	648.925.060	1.047.481.490	-		1.047.481.490
6550		Vật tư văn phòng	-	-	-	112.364.000	-	(112.364.000)
	6551	Văn phòng phẩm	-	-	-	66.226.800		(66.226.800)
	6552	Công cụ văn phòng	-	-	-	18.100.000		(18.100.000)
	6599	Vật tư văn phòng khác	-	-	-	28.037.200		(28.037.200)
6600		TT Tuyên truyền liên lạc	-	-	-	-	-	-
	6606	Tuyên truyền quảng cáo	-	-	-	-	-	-
6900		Sửa chữa thường xuyên	-	-	-	85.492.894	-	(85.492.894)
	6949	TSCĐ khác	-	-	-	85.492.894		(85.492.894)
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	-	-	-	216.333.800	-	(216.333.800)
	7001	Vật tư hàng hóa	-	-	-	21.690.000		(21.690.000)
	7002	Mua trang thiết bị	-	-	-	37.771.700		(37.771.700)
	7006	Chi mua ấn chỉ	-	-	-	133.540.100		(133.540.100)
	7049	Chi khác	-	-	-	23.332.000		(23.332.000)
7550		Nộp truy thu thuế năm trước	-	-	-	-	-	-
	7551	Thuế theo QĐ	-	-	-	-	-	-

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
Năm 2016*Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên (tiếp theo)**(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Chỉ tiêu	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
7750		Chi khác	-	-	-	110.913.800	-	(110.913.800)
	7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai	-	-	-	110.781.800		(110.781.800)
	7761	Chi tiếp khách	-	-	-	-		-
	7799	Chi khác	-	-	-	132.000		(132.000)
		Cộng	398.556.430	648.925.060	1.047.481.490	525.104.494	-	522.376.996

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

 Dương Thị Thường

 Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
 Năm 2016

Nguồn thu giá kiểm định

(Đơn vị tính: VND)

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
		Hoạt động Sản xuất kinh doanh	-	4.840.565.302	4.840.565.302	3.295.544.688	-	1.545.020.614
		Thu từ Hoạt động Sản xuất kinh doanh	-	4.840.565.302	4.840.565.302	-		4.840.565.302
6000		Tiền lương	-	-	-	648.920.500	-	(648.920.500)
	6001	Lương ngạch bậc, theo quỹ lương	-	-	-	648.920.500		(648.920.500)
6050		Tiền công	-	-	-	102.140.000	-	(102.140.000)
	6051	Công trả theo hợp đồng	-	-	-	102.140.000		(102.140.000)
6100		Phụ cấp lương	-	-	-	117.758.000	-	(117.758.000)
	6106	Phụ cấp thêm giờ	-	-	-	117.758.000		(117.758.000)
6300		Các khoản đóng góp	-	-	-	153.831.112	-	(153.831.112)
	6301	Bảo hiểm xã hội	-	-	-	102.606.037		(102.606.037)
	6302	Bảo hiểm Y tế	-	-	-	38.477.275		(38.477.275)
	6303	Kinh phí công đoàn	-	-	-	12.747.800		(12.747.800)
6400		T.toán cá nhân	-	-	-	129.356.000	-	(129.356.000)
	6401	Tiền ăn	-	-	-	90.456.000		(90.456.000)
	6449	Khác	-	-	-	38.900.000		(38.900.000)
6500		Dịch vụ công cộng	-	-	-	85.337.600	-	(85.337.600)
	6501	Điện	-	-	-	35.525.600		(35.525.600)
	6502	Nước	-	-	-	8.629.300		(8.629.300)
	6503	Xăng xe	-	-	-	30.708.800		(30.708.800)
	6504	VSMT	-	-	-	-		-
	6549	Chi khác	-	-	-	10.473.900		(10.473.900)

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
Năm 2016*Nguồn thu giá kiểm định (tiếp theo)**(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
6550		Vật tư văn phòng	-	-	-	160.616.200	-	(160.616.200)
	6551	Văn phòng phẩm	-	-	-	1.520.000		(1.520.000)
	6552	Công cụ văn phòng	-	-	-	117.329.900		(117.329.900)
	6599	Vật tư văn phòng khác	-	-	-	41.766.300		(41.766.300)
6600		TT Tuyên truyền liên lạc	-	-	-	70.586.500	-	(70.586.500)
	6601	Cước phí điện thoại	-	-	-	10.457.900		(10.457.900)
	6603	Bưu phí	-	-	-	22.508.600		(22.508.600)
	6606	Tuyên truyền quảng cáo	-	-	-	34.000.000		(34.000.000)
	6612	Sách báo tạp chí	-	-	-	1.030.000		(1.030.000)
	6615	Thuê bao điện thoại	-	-	-	2.590.000		(2.590.000)
6650		Hội nghị	-	-	-	3.500.000	-	(3.500.000)
	6651	In mua tài liệu	-	-	-	-		-
	6657	Thuê mướn khác phục vụ HN	-	-	-	-		-
	6658	Chi tiền ăn	-	-	-	-		-
	6699	Chi khác	-	-	-	3.500.000		(3.500.000)
6700		Công tác phí	-	-	-	99.065.300	-	(99.065.300)
	6701	Vé	-	-	-	12.372.900		(12.372.900)
	6702	Phụ cấp	-	-	-	10.230.000		(10.230.000)
	6703	Thuê phòng nghỉ	-	-	-	21.132.500		(21.132.500)
	6704	Khoán công tác phí	-	-	-	39.150.000		(39.150.000)
	6749	Khác	-	-	-	16.179.900		(16.179.900)

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)
 Năm 2016

Nguồn thu giá kiểm định (tiếp theo)

(Đơn vị tính: VND)

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
6750		Chi phí thuê mướn	-	-	-	7.700.000	-	(7.700.000)
	6751	Thuê phương tiện	-	-	-	7.700.000		(7.700.000)
	6799	Chi khác	-	-	-	-		-
6900		Sửa chữa thường xuyên	-	-	-	271.443.000	-	(271.443.000)
	6902	Sửa chữa ô tô	-	-	-	36.650.000		(36.650.000)
	6905	Máy móc thiết bị	-	-	-	65.866.200		(65.866.200)
	6907	Nhà cửa	-	-	-	148.881.800		(148.881.800)
	6912	Thiết bị tin học	-	-	-	100.000		(100.000)
	6913	Máy văn phòng	-	-	-	1.125.000		(1.125.000)
	6921	Đường điện, nước	-	-	-	-		-
	6949	TSCĐ khác	-	-	-	18.820.000		(18.820.000)
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	-	-	-	18.089.000	-	(18.089.000)
	7001	Vật tư hàng hóa	-	-	-	-		-
	7002	Trang thiết bị kỹ thuật CD	-	-	-	-		-
	7003	In ấn tài liệu SS	-	-	-	110.000		(110.000)
	7004	Đồng phục	-	-	-	-		-
	7005	In ấn tài liệu SS	-	-	-	15.150.000		(15.150.000)
	7006	Chi mua ấn chỉ	-	-	-	-		-
	7049	Chi khác	-	-	-	2.829.000		(2.829.000)

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: F02 - 1H

BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÃ SỬ DỤNG (TIẾP THEO)

Năm 2016

*Nguồn thu giá kiểm định (tiếp theo)**(Đơn vị tính: VND)*

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Kinh phí được sử dụng kỳ này			Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán kỳ này	Kinh phí giảm kỳ này	Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau
			Kỳ trước chuyển sang	Số thực nhận kỳ này	Tổng số kinh phí được sử dụng kỳ này			
A	B	C	1	3	4	6	7	8
7750		Chi khác	-	-	-	1.427.201.476	-	(1.427.201.476)
	7752	Chi lễ tết, kỷ niệm ngày lễ lớn	-	-	-	129.403.900	-	(129.403.900)
	7753	Khắc phục hậu quả thiên tai	-	-	-	15.685.000	-	(15.685.000)
	7754	Chi thưởng sáng kiến	-	-	-	-	-	-
	7758	Hỗ trợ khác	-	-	-	1.300.000	-	(1.300.000)
	7761	Chi tiếp khách	-	-	-	213.804.400	-	(213.804.400)
	7766	Đào tạo BDNV	-	-	-	10.800.000	-	(10.800.000)
	7767	Quỹ khấu hao	-	-	-	923.234.988	-	(923.234.988)
	7799	Chi khác	-	-	-	132.973.188	-	(132.973.188)
8300		Trả tiền vay	-	-	-	-	-	-
	8349	Vay khác	-	-	-	-	-	-
		Cộng	-	4.840.565.302	4.840.565.302	3.295.544.688	-	1.545.020.614

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Phạm Lan Oanh

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B03 - H

BÁO CÁO THU, CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Hoạt động thường xuyên	Hoạt động sản xuất cung ứng dịch vụ	Hoạt động không thường xuyên
A	B	C	1	2	3	4
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang	01	398.556.430	398.556.430	-	-
2	Thu trong kỳ	02	5.489.490.362	648.925.060	4.840.565.302	-
	Lũy kế từ đầu năm	03	5.489.490.362	648.925.060	4.840.565.302	-
3	Chi trong kỳ	04	3.820.649.182	525.104.494	3.295.544.688	-
	Trong đó					
	- Giá vốn hàng bán	05	-	-	-	-
	- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	06	-	-	-	-
	- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	07	-	-	-	-
	Lũy kế từ đầu năm	08	3.820.649.182	525.104.494	3.295.544.688	-
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (09 = 01 + 02 - 04)	09	2.067.397.610	522.376.996	1.545.020.614	-
	Lũy kế từ đầu năm	10	2.067.397.610	522.376.996	1.545.020.614	-
5	Nộp NSNN kỳ này	11	309.004.123	-	309.004.123	-
	Lũy kế từ đầu năm	12	309.004.123	-	309.004.123	-
6	Nộp cấp trên kỳ này	13	-	-	-	-
	Lũy kế từ đầu năm	14	-	-	-	-
7	Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này	15	-	-	-	-
	Lũy kế từ đầu năm	16	-	-	-	-
8	Trích lập quỹ kỳ này	17	1.489.674.506	253.658.015	1.236.016.491	-
	Lũy kế từ đầu năm	18	1.489.674.506	253.658.015	1.236.016.491	-
9	Chênh lệch thu lớn hơn chi đến cuối kỳ này (19 = 09 - 11 - 13 - 15 - 17)	19	268.718.981	268.718.981	-	-

Người lập

Phụ trách kế toán

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Giám đốc

Dương Thị Thường

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 04 - H

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

STT	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Tài sản cố định hữu hình			11.816.751.655		821.486.400		640.938.600		11.997.298.955
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc			6.478.790.968		480.868.900		-		6.959.659.868
	- Nhà làm việc	m2	350	1.128.765.400					350	1.128.765.400
	- Nhà xưởng	m2	800	1.749.145.600					800	1.749.145.600
	- Bếp ăn + phòng nghỉ trưa	m2			65,5	480.868.900			65,5	480.868.900
	- Đường vào, sân bãi, HM khác			2.596.311.400						2.596.311.400
	- Trạm biến áp 100KVA	Trạm	1	526.599.300					1	526.599.300
	- Nhà kiểm tra khí xả	Cái	1	66.485.400					1	66.485.400
	- Nhà kiểm tra KX + HM PT	Cái	1	411.483.868					1	411.483.868
1.2	Máy móc thiết bị			4.517.252.087		-		188.540.500		4.328.711.087
	- Bộ thiết bị kiểm tra cơ giới	Bộ	1	856.185.100						856.185.100
	- Hệ thống hút khí xả	Bộ	1	68.618.500			1	68.618.000		-
	- Bộ đầu đo tốc độ diezen	Bộ	1	18.296.500			1	18.296.500		-
	- Bộ đầu đo tốc độ xăng	Bộ	1	19.478.000			1	19.478.000		-
	- Máy nén khí	Bộ	1	29.500.000					1	29.500.000
	- Ru lô kiểm tra phanh	Bộ	1	70.000.000					1	70.000.000
	- Bộ nối magj Micronet	Bộ	1	67.943.400					1	67.943.400
	- Hệ thống camera	Bộ	1	82.148.000			1	82.148.000		-
	- Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm	Bộ	1	85.000.000					1	85.000.000
	- Nhà thiết bị kiểm định	Cái	1	22.309.100					1	22.309.100
	- Bộ kiểm tra tốc độ RPM 8500	Bộ	1	29.176.000					1	29.176.000
	- Máy kiểm tra KX động cơ Diezen	Cái	1	177.503.955					1	177.503.955
	- Máy kiểm tra phanh DT2	Cái	1	1.231.178.547					1	1.231.178.547
	- Máy kiểm tra trượt ngang DT2	Cái	1	191.383.053					1	191.383.053
	- Máy kiểm tra đèn pha DT2	Cái	1	175.016.136					1	175.016.136

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 04 - H

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)
 Năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

STT	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	DVT	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	- Máy hỗ trợ KT gầm DT2	Cái	1	162.703.796					1	162.703.796
	- Camera giám sát KĐ	Bộ	1	48.280.000					1	48.280.000
	- Thiết bị kiểm tra khí xả đ/c xăng	Bộ	1	231.031.800					1	231.031.800
	- Thiết bị kiểm tra khí xả đ/c Diezen	Bộ	1	221.506.800					1	221.506.800
	- Thiết bị kiểm tra đèn	Bộ	1	176.923.800					1	176.923.800
	- Thiết bị nâng cầu xe ô tô	Cái	2	171.599.000					2	171.599.000
	- Thiết bị kiểm tra khí xả đ/c xăng	Cái	1	271.197.900					1	271.197.900
	- Thiết bị kiểm tra độ ồn	Cái	1	74.272.700					1	74.272.700
	- Mua đồng hồ đo lưu lượng nước	Cái	1	36.000.000					1	36.000.000
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn			-						-
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý			-						-
1.5	Tài sản cố định khác			820.708.600		-		452.398.100		368.310.500
	- Điều hòa	Cái	1	12.500.000			1	12.500.000		-
	- Két bạc	Cái	1	3.010.000					1	3.010.000
	- Máy vi tính	Bộ	3	37.160.500			3	37.160.500		-
	- Ô tô con Mazda	Cái	1	349.306.000			1	349.306.000		-
	- Máy photo Ricoh	Cái	1	24.193.500			1	24.193.500		-
	- Máy vi tính (04 bộ)	Bộ	4	29.238.100			4	29.238.100		-
	- Tủ hồ sơ khung nhôm kính	Cái	1	13.679.000					1	13.679.000
	- Máy vi tính	Bộ	1	29.963.600					1	29.963.600
	- Máy tính Sony	Cái	1	25.727.300					1	25.727.300
	- Tủ tàu liệu phòng kho	Bộ	4	88.873.600					4	88.873.600
	- Điều hòa Funiki	Cái	1	22.350.000					1	22.350.000
	- Cục đối trọng kiểm định	Bộ	1	113.807.000					1	113.807.000

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B 04 - H

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)
Năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

STT	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	- Thiết bị đo độ dày kim loại	Cái	1	39.400.000					1	39.400.000
	- Máy photo Aficio	Cái	1	31.500.000					1	31.500.000
	- Bộ máy tính để bàn	Bộ			1	19.950.000			1	19.950.000
	- Bộ máy tính để bàn	Bộ			1	23.111.000			1	23.111.000
	- Bộ máy tính để bàn	Bộ			1	25.011.000			1	25.011.000
	- Máy điều hòa	Cái			1	8.454.500			1	8.454.500
	- Tủ tài liệu	Cái			1	11.630.000			1	11.630.000
	- Máy điều hòa	Cái			1	9.491.000			1	9.491.000
	- Bộ máy tính để bàn	Bộ			2	38.000.000			2	38.000.000
	- Phần mềm smart DK view + hệ thống Camera chụp ảnh	Bộ			1	131.370.000			1	131.370.000
	- Bộ máy tính để bàn	Bộ			2	39.600.000			2	39.600.000
	- Máy photo	Cái			1	34.000.000			1	34.000.000
II	Tài sản cố định vô hình			9.680.000.000		-				9.680.000.000
2.1	Đất	m2	6.600	9.680.000.000					6.600	9.680.000.000
	Tổng cộng			21.496.751.655		821.486.400		640.938.600		21.677.299.455

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Dương Thị Thường

Nguyễn Trung Thao

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B 06 - H

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP TRONG NĂM

1. Tình hình biên chế, lao động, Trung tâm lương

- Số công nhân viên chức có mặt đến ngày 31/12/2016: 17 người
Trong đó: Hợp đồng, thử việc: 2 người
- Tăng trong năm: 2 người
- Giảm trong năm: 1 người
- Tổng quỹ tiền lương thực hiện trong năm 2016 (gồm quỹ lương ngạch bậc, lương lao động hợp đồng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên vượt khung) là: 751.060.500 đồng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ cơ bản

Trong năm 2016 đơn vị thực hiện nhiệm vụ cơ bản là kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông, nghiệm thu ô tô cải thảo thùng hàng, lắp khung mui

II. Các chỉ tiêu chi tiết

(Đơn vị tính: VND)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
A	B	C	1	2
I	Tiền	01	2.937.704.806	3.369.854.685
1	Tiền mặt tồn quỹ	02	75.957.776	1.261
2	Tiền gửi ngân hàng	03	2.861.747.030	3.369.853.424
II	Tài sản cố định	11	21.496.751.655	21.677.299.455
1	Tài sản cố định hữu hình		11.816.751.655	11.997.299.455
2	Tài sản cố định vô hình		9.680.000.000	9.680.000.000
II	Nợ phải thu	21	-	-
III	Nợ phải trả	31	569.476.145	719.705.939
1	Phải trả người bán		17.459.500	24.724.600
2	Các khoản phải nộp theo lương		-	-
3	Phải nộp Nhà nước		312.841.064	286.342.608
4	Các khoản phải trả công nhân viên		239.175.581	408.638.731

III. Tình hình tăng giảm các quỹ

(Đơn vị tính: VND)

	Số dư đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	189.748.430	-	7.130.000	182.618.430
Quỹ phúc lợi	198.755.168	212.085.523	203.950.700	206.889.991
Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.581.168.633	1.232.239.111	821.486.400	1.991.921.344
Cộng	1.969.672.231	1.444.324.634	1.032.567.100	2.381.429.765

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI NINH BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B 06 - H

IV. Tình hình thực hiện nộp ngân sách và nộp cấp trên*(Đơn vị tính: VND)*

STT	Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
I	Nộp ngân sách	312.841.064	54.453.446.043	54.479.944.499	286.342.608
1	Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
2	Thuế GTGT	102.274.947	322.495.700	347.380.613	77.390.034
3	Thuế TNDN	106.841.117	309.004.123	324.700.666	91.144.574
4	Thuế TNCN	-	6.331.100	6.331.100	-
5	Phí, lệ phí	103.725.000	53.813.615.120	53.799.532.120	117.808.000
II	Nộp cấp trên	-	-	-	-
	Cộng	312.841.064	54.453.446.043	54.479.944.499	286.342.608

V. THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Năm 2017 là năm Trung tâm sẽ thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình.

Ban Giám đốc Trung tâm khẳng định, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Trung tâm Đăng kiểm Xe cơ giới Ninh Bình chưa được kiểm toán.

Ninh Bình, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Người lập**Phụ trách kế toán****Giám đốc**

Dương Thị Thương

Nguyễn Trung Thao